

Số: 113/2023/QĐST-HNGĐ

YL, ngày 22 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 136/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị P, sinh năm 1986

Bị đơn: Anh Hà Văn G, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Khu D, xã T, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Hoàng Quốc Việt - Luật sư thực hiện hợp đồng trợ giúp pháp lý với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Phạm Thị Thắm - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào, khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12, Điều 14, khoản 4,5 Điều 15, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Khoản 1,2 điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hà Thị P và anh Hà Văn G.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Hà Văn G được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung

là Hà Văn L, sinh ngày 12/8/2009 và Hà Văn M, sinh ngày 04/6/2015, kể từ khi ly hôn đến khi con đã thành niên. Chị Hà Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Hà Văn G cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở.

Chị P cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh G mỗi tháng một con là 1.000.000đ (Một triệu đồng); hai con là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng). P thức cấp dưỡng hàng tháng, kể từ tháng 9/2023 trở đi.

2.2. Về tài sản chung, vay nợ và công sức: Chị P và anh G thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

Khi quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn cho chị Hà Thị P và anh Hà Văn G, miễn toàn bộ án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị P vì cả anh, chị đều có đơn xin miễn án phí thuộc diện là người dân tộc thiểu số đang sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND huyện YL;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện YL;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Phạm Tuấn Anh